

Số 918 /QĐ-CTUBND

Hưng Yên, ngày 11 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hưng Yên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai; số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 452/QĐ-CTUBND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hưng Yên tại Tờ trình số 13/TTr-QPCTT ngày 04 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Trưởng Thuế tỉnh Hưng Yên; Trưởng các Thuế cơ sở trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài đóng trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *✓*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH^{Trang}

✓

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quang Hưng

Nguyễn Quang Hưng

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hưng Yên
(Kèm theo Quyết định số 918 /QĐ-CTUBND ngày 11 tháng 9 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức, bộ máy, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là Quỹ); nguồn tài chính, nội dung chi, đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp, quy trình điều tiết, công khai thông tin và thanh quyết toán Quỹ.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Tên gọi, địa vị pháp lý của Quỹ phòng, chống thiên tai

1. Tên gọi: Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là Quỹ).

2. Tên giao dịch quốc tế: Hung Yen Disaster Prevention Fund.

3. Địa vị pháp lý:

a) Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hưng Yên là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

b) Quỹ có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước khu vực IV và một ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại tỉnh Hưng Yên.

4. Trụ sở: Đặt tại Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Lương Bằng, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động và nhiệm vụ của Quỹ

1. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

a) Quỹ được hoạt động theo Quy chế này và các quy định pháp luật liên quan.

b) Việc quản lý và sử dụng Quỹ phải đảm bảo đúng mục đích, kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ của Quỹ

a) Hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu.

b) Tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn tài chính.

c) Thực hiện chế độ báo cáo, kế toán theo quy định tại Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai; Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 và các quy định của pháp luật liên quan.

d) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

đ) Công bố công khai về quy chế hoạt động, kết quả hoạt động của Quỹ, báo cáo tình hình thực hiện Quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II **BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH QUỸ**

Điều 4. Cơ quan quản lý Quỹ

Cơ quan quản lý Quỹ gồm: Giám đốc, 01 Phó giám đốc, Kế toán trưởng, công chức, viên chức làm việc theo chế độ kiêm nhiệm hoặc biệt phái.

1. Đồng chí Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường là Giám đốc Quỹ, đại diện theo pháp luật của Quỹ; được ký hợp đồng theo quy định của pháp luật đối với một số công việc phục vụ hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

2. Đồng chí Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi là Phó Giám đốc Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật theo nhiệm vụ được phân công.

3. Kế toán trưởng, công chức, viên chức kiêm nhiệm, biệt phái tại Cơ quan quản lý Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ và trước pháp luật theo nhiệm vụ được phân công.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan quản lý Quỹ

1. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết nội dung chi, mức chi của Quỹ.

2. Tổng hợp nhu cầu hỗ trợ từ Quỹ do Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức đề nghị; tổ chức kiểm tra, rà soát và đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Tiếp nhận nguồn đóng góp bắt buộc, nguồn hỗ trợ, tài trợ tự nguyện của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; nguồn điều tiết từ Quỹ Trung ương và giữa các Quỹ cấp tỉnh; nguồn thu lãi từ tài khoản tiền gửi và các nguồn hợp pháp khác theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP

ngày 01 tháng 8 năm 2021 và khoản 3 Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 7 Điều 1 Nghị định 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ.

4. Tổng hợp kế hoạch thu, nộp Quỹ hằng năm của các đơn vị; chủ trì xây dựng kế hoạch thu, chi Quỹ hằng năm, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

5. Thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền. Thực hiện giải ngân cho các đơn vị, địa phương hoặc điều chuyển cho Quỹ Trung ương theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc điều chuyển cho các Quỹ cấp tỉnh của địa phương khác theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp cấp bách.

6. Báo cáo định kỳ kết quả thu, chi Quỹ với Cơ quan quản lý Quỹ Trung ương trước 25 hàng tháng. Trong quý I hàng năm lập báo cáo quyết toán của năm trước liền kề gửi Sở Tài chính thẩm định để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

7. Công khai kết quả thu, chi Quỹ theo quy định tại khoản 4, Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.

8. Phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán Quỹ theo quy định.

9. Chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước. Cung cấp kịp thời các thông tin về Quỹ cho Cơ quan Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, các tổ chức Hội có liên quan để thực hiện quyền giám sát thông qua các ý kiến, đề xuất, phản biện theo quy định tại Điều 19, Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.

10. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 6. Kinh phí hoạt động, quản lý, điều hành Quỹ

1. Kinh phí hoạt động của Cơ quan quản lý Quỹ được tính vào chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ. Hàng năm, Cơ quan quản lý Quỹ căn cứ kế hoạch dự kiến thu Quỹ và nhu cầu kinh phí quản lý, điều hành trong năm để lập dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, được hưởng các khoản phụ cấp theo chế độ hiện hành.

Chương III

NGUỒN TÀI CHÍNH; MIỄN, GIẢM, TẠM HOÃN ĐÓNG GÓP QUỸ

Điều 7. Nguồn tài chính

1. Mức đóng góp bắt buộc từ các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn một năm là 0,02% trên tổng giá trị tài sản hiện có theo báo cáo tài chính lập ngày 31 tháng 12 hàng năm của tổ chức báo cáo cơ quan Thuế nhưng

tối thiểu 500 nghìn đồng, tối đa 100 triệu đồng và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức.

2. Đóng góp, tài trợ, hỗ trợ tự nguyện của các tổ chức, doanh nghiệp cho Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật đóng góp hàng năm như sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động ở tỉnh, ở xã, phường, ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt và lực lượng vũ trang đóng một phần hai của mức lương cơ sở chia cho số ngày làm việc trong tháng.

b) Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trong các doanh nghiệp đóng một phần hai của mức lương tối thiểu vùng chia cho số ngày làm việc trong tháng theo hợp đồng lao động. Người lao động giao kết nhiều hợp đồng với nhiều doanh nghiệp chỉ phải đóng 01 lần theo 01 hợp đồng lao động có thời gian dài nhất.

c) Người lao động khác, ngoài các đối tượng đã được quy định tại điểm a, b khoản này, đóng góp 10.000 đồng/người/năm.

4. Hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

5. Điều tiết từ Quỹ trung ương và giữa các Quỹ cấp tỉnh.

6. Thu lãi từ tài khoản tiền gửi.

7. Các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

8. Tồn dư Quỹ cấp tỉnh cuối năm trước được chuyển sang năm sau.

Điều 8. Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp

1. Đối tượng được miễn đóng góp:

a) Đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020.

b) Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; đối tượng được trợ giúp xã hội khẩn cấp theo quy định của pháp luật về chế độ trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ từ đủ 60 tuổi trở lên.

c) Hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang đang hưởng phụ cấp sinh hoạt phí.

d) Sinh viên, học sinh đang theo học tập trung, dài hạn tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, dạy nghề.

đ) Người khuyết tật hoặc bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên, người mắc bệnh hiểm nghèo; người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật dân sự.

e) Người đang trong giai đoạn thất nghiệp hoặc không có việc làm từ 6 tháng trong 1 năm trở lên.

g) Phụ nữ đang mang thai; phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

h) Thành viên hộ gia đình thuộc diện nghèo, cận nghèo; thành viên hộ gia đình bị thiệt hại nặng do thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, tai nạn.

i) Hợp tác xã không có nguồn thu.

k) Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn trong năm bị thiệt hại do thiên tai gây ra về tài sản, nhà xưởng, thiết bị khi phải tu sửa, mua sắm với giá trị lớn hơn hai phần vạn (0,02%) tổng giá trị tài sản của tổ chức hoặc phải ngừng sản xuất kinh doanh từ 05 ngày liên tục trở lên có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Đối tượng được giảm, tạm hoãn đóng góp:

Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì được xem xét giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ cấp tỉnh. Mức giảm đóng góp quỹ tương ứng mức giảm thuế thu nhập doanh nghiệp do cơ quan Thuế công bố hàng năm.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định miễn, giảm, tạm hoãn và thời hạn được miễn, giảm, tạm hoãn.

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp danh sách các đối tượng được quy định tại điểm i, điểm k khoản 1 và khoản 2 Điều 8 Quy chế này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ. Thời gian tạm hoãn đóng góp Quỹ từ 06 tháng đến 01 năm.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quy định pháp luật quyết định miễn đóng góp Quỹ cho các đối tượng còn lại quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này (ngoài các đối tượng quy định tại điểm i, điểm k khoản 1 Điều 8).

3. Việc xét miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ được tiến hành mỗi năm một lần vào thời điểm giao chỉ tiêu kế hoạch thu Quỹ. Trường hợp miễn, giảm, tạm hoãn do thiệt hại thiên tai, dịch bệnh; tổ chức, cá nhân phải báo cáo thiệt hại và đề xuất chính quyền địa phương để tổng hợp gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét miễn, giảm, tạm hoãn. Trường hợp đối tượng đã đóng góp tiền nộp vào Quỹ, nếu được xét miễn, giảm, tạm hoãn thì số tiền đã nộp được trừ vào số tiền đóng góp của năm sau.

Chương IV **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ**

Điều 10. Quản lý thu, kế hoạch thu nộp Quỹ

1. Thủ trưởng tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn có trách nhiệm cung cấp đầy đủ danh sách kế hoạch thu, nộp quỹ của các cá nhân

do mình quản lý và nộp Quỹ theo định mức được quy định tại khoản 1 và điểm b, khoản 3 Điều 7 Quy chế này chuyển vào tài khoản ở cấp xã (nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở) do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 Quy chế này có trách nhiệm thu của cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động thuộc phạm vi quản lý và chuyển vào tài khoản ở cấp xã (nơi cơ quan, tổ chức, đơn vị đặt trụ sở) do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thu của các đối tượng lao động khác trên địa bàn theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 7 Quy chế này. Việc thu bằng tiền mặt phải có chứng từ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ đối tượng, mức đóng góp thuộc phạm vi quản lý, các đối tượng miễn, giảm, tạm hoãn để xây dựng kế hoạch thu của cơ quan, đơn vị và địa phương.

5. Sở Tài chính có trách nhiệm cung cấp thông tin các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh cho Thuế tỉnh Hưng Yên, Cơ quan quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân cấp xã để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch thu Quỹ.

6. Thuế tỉnh Hưng Yên thực hiện và chỉ đạo các Thuế cơ sở có trách nhiệm phối hợp trong việc hỗ trợ thu quỹ, lập kế hoạch thu Quỹ và cung cấp thông tin tổng giá trị tài sản hiện có theo báo cáo tài chính lập ngày 31 tháng 12 hàng năm đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn; thông tin tại điểm i, điểm k khoản 1 và khoản 2 Điều 8 Quy chế này cho Cơ quan quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân cấp xã để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch thu Quỹ.

7. Bảo hiểm xã hội tỉnh Hưng Yên có trách nhiệm cung cấp thông tin về số lượng công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp, người lao động làm việc trong cơ quan, tổ chức và người lao động làm việc theo hợp đồng lao động của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn cho Cơ quan quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân cấp xã để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch thu Quỹ.

8. Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch thu Quỹ của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài, các cá nhân, cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn được giao quản lý; nếu cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn liên xã, phường thì trụ sở chính đặt trên địa bàn xã, phường nào thì xã, phường đó lập kế hoạch thu Quỹ.

9. Cơ quan quản lý Quỹ tổng hợp kế hoạch thu quỹ của Ủy ban nhân dân cấp xã và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm cơ sở để các đơn vị triển khai, thực hiện. Căn cứ kế hoạch thu quỹ đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan quản lý Quỹ triển khai thông báo kế hoạch thu quỹ đến các đối tượng nộp quỹ, thực hiện thu quỹ theo quy định.

10. Thời hạn lập và phê duyệt kế hoạch thu, nộp Quỹ cấp tỉnh: Trước ngày 31 tháng 5 hàng năm.

11. Thời hạn nộp Quỹ cấp tỉnh: Đối với cá nhân nộp một lần trước ngày 31 tháng 7 hàng năm; đối với tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn nộp tối thiểu 50% số phải nộp trước ngày 31 tháng 7, số còn lại nộp trước ngày 30 tháng 11 hàng năm. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh kéo dài và ảnh hưởng phạm vi lớn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh thời hạn nộp hoặc quyết định miễn, giảm đóng góp Quỹ cấp tỉnh cho phù hợp.

Điều 11. Nội dung chi

1. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai, ưu tiên các hoạt động sau đây:

a) Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai: Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán; tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai.

b) Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai; hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ, đường sắt quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở; hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai tối đa không quá 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình.

c) Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa: Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai; lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai; hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm; phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng; diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp; mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã; tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai; hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin, dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng; mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định.

d) Chi hỗ trợ các hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định.

2. Căn cứ nội dung chi của Quỹ tại khoản 1 Điều này và số thu thực tế trên địa bàn, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ cho Ủy ban nhân dân cấp xã như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã giữ lại tối đa không quá 28% số thu trên địa bàn (bao gồm cả số thu tài khoản ở cấp xã do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền) để hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu (không quá 5%); chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ (không quá 3%) và chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã (không quá 20%). Số tiền thu quỹ còn lại (tối thiểu 72% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản của Quỹ.

b) Sau khi các cấp có báo cáo quyết toán kinh phí, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư hoặc quyết định phân bổ khi nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại xã đã sử dụng hết.

3. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định hiện hành nhưng không vượt quá 3% tổng số thu của Quỹ.

Điều 12. Thẩm quyền chi

1. Nội dung chi và mức chi Quỹ tại Điều 11 Quy chế này thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định nội dung chi và mức chi thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai ngoài các nội dung chi tại khoản 1 Điều 11 Quy chế này cho các đối tượng theo đề nghị của cơ quan chuyên môn tham mưu về phòng, chống thiên tai cùng cấp.

3. Cơ quan quản lý Quỹ có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu hỗ trợ từ Quỹ do Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức đề nghị; tổ chức kiểm tra, rà soát và đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Thực hiện việc điều chuyển cho Quỹ trung ương theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc cho các Quỹ cấp tỉnh của địa phương khác theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp cấp bách.

Điều 13. Báo cáo, phê duyệt quyết toán, chế độ kế toán, kiểm toán, quản lý tài sản

1. Hàng năm, Cơ quan quản lý Quỹ có trách nhiệm báo cáo Sở Tài chính tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi quỹ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách địa phương.

2. Về việc quyết toán công trình (hạng mục công trình) hoàn thành có sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ từ Quỹ thực hiện theo quy định hiện hành về quyết toán công trình (hạng mục công trình) hoàn thành. Thực hiện các công tác quyết toán khác theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan quản lý Quỹ báo cáo kết quả thu, chi quỹ với Cơ quan quản lý Quỹ trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 25 hàng tháng.

4. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

5. Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện kiểm toán độc lập báo cáo tài chính.

Điều 14. Thanh tra, kiểm toán, kiểm tra, giám sát hoạt động Quỹ

1. Quỹ chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo kiểm tra hoạt động của Quỹ. Có biện pháp đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc trách nhiệm, nghĩa vụ nộp Quỹ theo quy định của pháp luật.

3. Căn cứ kế hoạch thu quỹ đã được phê duyệt hàng năm, cơ quan quản lý Quỹ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về thanh tra thường xuyên và đột xuất việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và quản lý sử dụng quỹ tại các địa phương, đơn vị theo đúng quy định.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức Hội có liên quan đến Quỹ được quyền yêu cầu cung cấp thông tin về quỹ và thực hiện quyền giám sát thông qua các ý kiến, đề xuất, phản biện.

Điều 15. Chế độ thông tin, công khai nguồn thu, chi

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức phải công khai danh sách thu, nộp quỹ của cá nhân cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

a) Hình thức công khai: Thông báo bằng văn bản, niêm yết tại đơn vị; công bố tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị.

b) Thời điểm công khai chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày chuyển vào tài khoản của Quỹ.

2. Cấp xã phải công khai kết quả thu nộp, danh sách người lao động, danh sách tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài đã đóng quỹ trên địa bàn; tổng kinh phí được cấp cho công tác phòng, chống thiên tai và nội dung chi.

a) Hình thức công khai: Báo cáo giải trình công khai tại cuộc họp tổng kết hàng năm, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, Trung tâm văn hóa các thôn và thông báo trên phương tiện truyền thanh xã.

b) Thời điểm công khai chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày chuyển vào tài khoản của Quỹ.

3. Cơ quan quản lý Quỹ công khai kết quả thu, danh sách và mức thu đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và từng xã; báo cáo quyết toán thu chi; nội dung chi theo địa bàn cấp xã.

a) Hình thức công khai: Gửi cơ quan quản lý Quỹ trung ương; niêm yết tại trụ sở Quỹ; thông báo bằng văn bản tới cơ quan, tổ chức đóng góp quỹ; công khai trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan quản lý Quỹ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Thời điểm công khai chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày chuyển vào tài khoản của Quỹ.

Điều 16. Mối quan hệ giữa Quỹ phòng, chống thiên tai trung ương và Quỹ phòng, chống thiên tai cấp tỉnh

1. Cơ quan quản lý Quỹ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Báo cáo tình hình huy động nguồn lực của địa phương để chi khắc phục hậu quả thiên tai; trong đó cụ thể nguồn tài chính đã chi để thực hiện: dự phòng ngân sách địa phương, Quỹ cấp tỉnh, Quỹ dự trữ tài chính và các nguồn lực hợp pháp khác.

b) Báo cáo tình hình thực hiện Quỹ về Quỹ trung ương, bao gồm: Các hoạt động đã bố trí dự toán, đã sử dụng và tồn dư quỹ còn lại đến thời điểm đề nghị điều tiết.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ của tỉnh và đề xuất cơ quan quản lý Quỹ trung ương báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, hỗ trợ kinh phí từ Quỹ trung ương cho địa phương khắc phục hậu quả thiên tai.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc điều chuyển quỹ hỗ trợ cho các địa phương khác.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 17. Trách nhiệm của các sở, ngành, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các cấp.

1. Việc quản lý, sử dụng Quỹ phải bảo đảm đúng mục đích, đúng chế độ theo quy định của pháp luật và quy định tại Quyết định này. Nghiêm cấm việc sử dụng Quỹ sai mục đích dưới bất kỳ hình thức nào.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức thu, nộp Quỹ theo Điều 10 Quy chế này.

3. Số dư Quỹ phòng, chống thiên tai tại Kho bạc Nhà nước được bàn giao cho Cơ quan quản lý Quỹ để quản lý, sử dụng theo quy định tại Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.

4. Cơ quan quản lý Quỹ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh điều hành, chỉ đạo tổ chức thực hiện xây dựng kế hoạch thu, chi Quỹ; định kỳ tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động quỹ; việc công khai thông tin về quỹ theo quy định.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Cơ quan quản lý Quỹ có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện Quy chế này; tổng hợp kết quả thực hiện Quỹ và báo cáo theo quy định.

b) Phối hợp với các sở, ngành và địa phương có liên quan triển khai hiệu quả công tác thu nộp, quản lý và sử dụng Quỹ theo quy định của pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên tiến hành kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thu, nộp, quản lý, sử dụng Quỹ của các cơ quan, đơn vị và các tổ chức kinh tế trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính, chế độ kế toán đối với Quỹ.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc quyết toán, kiểm tra, giám sát tình hình quản lý và sử dụng Quỹ.

7. Thanh tra tỉnh: Tiến hành thanh tra theo kế hoạch hoặc đột xuất việc chấp hành các quy định của pháp luật về thu, nộp, quản lý, sử dụng Quỹ phòng chống thiên tai của các cơ quan, đơn vị và các tổ chức kinh tế trên địa bàn tỉnh.

Điều 18. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng, quản lý và đóng góp Quỹ được khen thưởng theo quy định chung của Nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm về đóng góp Quỹ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Người được giao nhiệm vụ thu, nộp, quản lý và sử dụng Quỹ mà vi phạm các quy định trên thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ; các ngành, các cấp có liên quan phản ánh kịp thời về Cơ quan quản lý Quỹ. Cơ quan quản lý Quỹ tổng hợp, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định của pháp luật./.